

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Minh Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bạch Ngọc Bay

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLST–HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1990, cư trú tại: ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trương Chiến T, sinh năm 1988, cư trú tại: khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:* Chị và bị đơn anh Trương Chiến T kết hôn vào năm 2011, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2011, quyền số 01/2011, đăng ký ngày 01/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong lối sống, tính cách nên thường xuyên cãi nhau làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng; bên cạnh đó chị nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; vợ chồng chị không còn sống chung từ năm 2018. Nay chị thấy hôn nhân giữa chị với anh T không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là Trương Nguyễn Trọng A, sinh ngày 20/4/2012 và Trương Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 02/3/2014. Cả 02 con chung đang sống với chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trương Chiến T đã được Tòa án cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Trương Chiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Trương Chiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Long An vào năm 2011 đúng với quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho chị N và anh T tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Còn chị N kiên quyết ly hôn với anh T. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh T.

[4] Nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T có 02 người con chung là Trương Nguyễn Trọng A, sinh ngày 20/4/2012 và Trương Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 02/3/2014. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, anh T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của chị N. Xét thấy, 02 con chung hiện đang sống với chị N, được chị N chăm sóc và có cuộc sống ổn định; đồng thời 02 con chung An và Thái đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung; còn anh T không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N đối với anh Trương Chiến T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Trương Chiến T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi 02 con chung là Trương Nguyễn Trọng A, sinh ngày 20/4/2012 và Trương Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 02/3/2014. Chị Nguyễn Thị Ngọc N không yêu cầu anh Trương Chiến T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013202 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
  - TAND tỉnh Long An;
  - VKSND huyện C;
  - Chi cục THADS huyện C;
  - UBND thị trấn C, huyện C
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2011);
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Thị Minh Hiệp**





